

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-PT

Ngày 15-5-2019

V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2012/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2012, về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2012/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2012, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phan Thanh K

2. Bà Phan Thị Bạch M

Cùng cư trú tại: Đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hoàng Đình T

2. Bà Trần Thị Thanh H

Cùng cư trú tại: Đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Đình T là bà Trần Thị Thanh H; cư trú tại: Đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 05 tháng 10 năm 2018).

- *Người giám định:* Ông Trần Thọ Phạm N – Chức danh: Trưởng phòng Kiểm định Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ; địa chỉ nơi làm việc: Đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 14 tháng 5 năm 2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M, thống nhất trình bày:

- Trước đây bà Võ Thị Kim S sở hữu ba căn nhà được xây dựng trên một thửa đất tại địa chỉ số 16 (cũ), nay đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà đường L); nhà, đất có cổng ngõ mở ra đường L về hướng Nam.

- Ngày 25-7-1975, bà S bán căn nhà ở hướng Đông có kích thước chiều ngang 4m, dài 17m; xây trên diện tích đất 91m², cho bà Huyền Tôn Nữ Thị O (sau này con gái là bà Trần Thị Thanh H và con rể là ông Hoàng Đình T thừa hưởng), nay có địa chỉ L.

- Sau đó, ngày 20-4-1976, bà S tiếp tục bán căn nhà còn lại ở hướng Tây cho ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M, theo Văn tự mua bán đoạn mãi bất động sản, được Ủy ban nhân dân cách mạng phường T chứng nhận; trong đó căn nhà có kích thước bề ngang 9m, bề sâu 14m; có sân trước tính đến lề đường L bề ngang 9m, bề sâu 3,5m; sân sau mỗi chiều 5,5m (có giếng nước với máy bơm điện dùng chung cho ba nhà); nay có địa chỉ L.

- Ranh giới về hướng Đông của nhà ông K, bà M giáp với nhà bà O nguyên thủy khi mua nhà đã có dẫy 06 trụ bê tông cốt thép dùng để chống đỡ mái nhà L. Năm 1983, để chống dột và nóng gia đình ông K đã tháo dỡ mái che sân sau và nâng cao nhà chính, đồng thời đổi thành hai mái; riêng mái hiên phía Đông, được che từ nhà chính ra, có kích thước 1,05m x 13m vẫn để nguyên, được gác lên 06 trụ bê tông cốt thép làm ranh giới nói trên.

- Như vậy, mái hiên ở phía Đông nhà nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của ông K, bà M, bao gồm: 06 trụ bê tông cốt thép đỡ mái hiên, tường ngăn, mương thoát nước.

- Ngày 10-7-2009, vợ chồng ông Hoàng Đình T, bà Trần Thị Thanh H phá dỡ nhà cũ để khởi công xây dựng nhà mới. Trong quá trình xây dựng nhà thì ông T, bà H đã cho thợ tháo dỡ, đập phá vật kiến trúc của ông, bà bao gồm: Phần mái hiên ở phía giáp giới giữa hai nhà 30 và 32 đường L; đi kèm với dẫy trụ bê tông cốt thép xây dọc theo ranh giới từ trước ra sau (kích thước mỗi trụ: 0,2m x 0,2m x 4,5m), trong đó 03 trụ đã bị đập phá hoàn toàn, còn trụ thứ 4 ở vị trí sau cùng đang đập dỡ dang; đập bức tường ngăn dài 14m; phá vỡ mương thoát nước mưa dài 16m và nền xi măng đường luống dài 13m, rộng 1,05m.

- Do đó, ông bà yêu cầu ông T và bà H bồi thường giá trị mái hiên (kích thước: 1,05m x 13m) giá trị 6.973.927 đồng; 04 trụ bê tông cốt thép (kích thước mỗi trụ: 0,2m x 0,2m x 4,5m) và tường rào ngăn giữa hai nhà (kích thước đoạn 1: dài 5,5m; cao 1m và đoạn 2: dài 8,5m; cao 0,7m) giá trị 9.260.391 đồng; mương thoát nước dài 16m và lán nền xi măng dưới mái hiên (kích thước: 1,05m x 13m) giá trị 8.761.513 đồng; ngoài ra, ông bà còn yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập cá nhân của ông, bà bị mất khi theo đuổi việc kiện là 25.300.000 đồng. Tổng số tiền ông bà yêu cầu ông T, bà H bồi thường là 50.295.800 đồng.

- Ngày 25-4-2012, ông K và bà M có đơn rút yêu cầu bồi thường thu nhập cá nhân bị mất về số tiền 25.300.000 đồng; chỉ còn yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị hư hỏng với số tiền là 24.995.800 đồng.

Bị đơn ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H, thống nhất trình bày:

- Ngày 10-7-2009, vợ chồng chúng tôi tháo dỡ nhà cũ để xây dựng nhà mới tại địa chỉ L; khi tháo dỡ nhà cũ thì chúng tôi chỉ tháo dỡ những vật kiến trúc thuộc về nhà đất của chúng tôi sở hữu. Mặt khác, chúng tôi cũng nhận được văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho phép hoàn thiện việc xây dựng nhà theo Giấy phép xây dựng nhà ở do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp. Do đó, chúng tôi hoàn toàn không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M.

- Về mái hiên lợp tôn mà ông K, bà M kiện chúng tôi tháo dỡ gây thiệt hại, thì đây là mái hiên đã tồn tại từ khi gia đình chúng tôi mua căn nhà này của bà Võ Thị Kim S. Căn nhà cũ của chúng tôi có mái tôn được lợp trên 17 cây xà gồ bằng gỗ; 17 cây xà gồ này dài ra khỏi tường nhà khoảng 1m và được lợp tôn lên đây để làm mái hiên sử dụng chung cho 3 nhà đi qua nên gọi là đường luồng, cho nên khi tháo dỡ nhà cũ thì đương nhiên phải dỡ cả mái tôn đường luồng này vì nó được gá đỡ bởi kết cấu nhà ở của chúng tôi.

- Về 04 cây trụ mà ông K, bà M kiện chúng tôi tháo dỡ gây thiệt hại, thì đây là những cây trụ đều thuộc về kết cấu nhà của chúng tôi, vì nhà cũ của chúng tôi nguyên trạng có tất cả 12 cây trụ, mỗi bên có 06 trụ; trụ phía trước vẫn được giữ nguyên; chúng tôi chỉ tháo dỡ 03 trụ giữa phía tiếp giáp với đất ông K, bà M; còn trụ cuối nhà (sau cùng) được nối liền cả ba căn nhà đã có từ trước năm 1975; tất cả đều nằm trong diện tích đất của gia đình chúng tôi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố cấp.

- Về mương nước thì toàn bộ nước mưa từ mái nhà của chúng tôi đều chảy về một máng xối được đặt ở đoạn giữa nhà đổ về ống nhựa dựng đứng chảy xuống mương nước nằm sát cạnh tường nhà chúng tôi và chảy thẳng ra đường L; hệ thống thoát nước mưa này do mẹ chúng tôi là bà Huyền Tôn Nữ Thị O làm. Sau này gia đình ông K, bà M tự ý nâng cao nền đường luồng và sân sau thì vì sao lại yêu cầu chúng tôi bồi thường.

- Về bức tường cao 1,3m; dài 3,5m ở đoạn giữa có cánh cửa bằng tôn, thì đây là đoạn tường do gia đình ông K xây dựng lấn chiếm trái phép; gia đình ông K xây dựa vào da tường ngoài và trụ nhà cũ chúng tôi. Năm 1999 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã giải quyết và buộc gia đình ông K phải tháo dỡ đoạn tường này nhưng ông K không thi hành. Năm 2009, khi tháo dỡ nhà cũ thì do bức tường quá mỏng và lại xây áp vào tường và trụ nhà chúng tôi nên đoạn tường này đã tự sụp đổ.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2012/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2012, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

Áp dụng các điều 80, 81, 131, 238, 239, và 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M về việc yêu cầu bà Trần Thị Thanh H và ông Hoàng Đình T phải bồi thường thiệt hại mái hiên, mương thoát nước, nền, trụ bê tông và bức tường ngăn với tổng số tiền là 24.995.800 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000 đồng ông K và bà M phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng tại biên lai thu số 002959 ngày 03-8-2001 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông K và bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chi phí giám định 4.500.000 đồng ông K và bà M phải chịu; ông K và bà M đã thanh toán xong cho Công ty cổ phần giám định T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-5-2012, ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm để được xét xử lại với lý do Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng Quyết định số 1014/QĐ-UB ngày 18-6-1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) và Quyết định số 1154/QĐ-UB ngày 13-3-1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để làm căn cứ giải quyết vụ án là không có cơ sở vì 02 quyết định này là để giải quyết đơn khiếu nại về việc ông K lập hàng rào kẽm gai, khóa cổng đường luồng không cho gia đình bà O sử dụng giếng nước và đường luồng chứ không phải là cơ sở xác định chủ quyền nhà, đất. Trong khi đó Tòa án cấp sơ thẩm lại không sử dụng Quyết định số 8715/QĐ-UBND ngày 12-11-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Về việc giải quyết lại phần diện tích đường luồng giữa hai nhà đường L; và hồ sơ gốc là đường luồng, mái hiên, mương thoát nước, tường ngăn do ông K xây trên đường luồng ở ngoài ranh giới nhà đất của bà O để xác định tài sản bị hư hỏng là của gia đình ông K; cũng như không sử dụng kết quả giám định tổn thất số: 008/TT/12TD ngày 23-3-2012 của Công ty cổ phần giám định T được Tòa án trưng cầu tại Quyết

định trung cầu giám định số: 07/2012/QĐ-TCGD ngày 09-02-2012. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng bản chất sự thật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ngày 25-4-2012 nguyên đơn ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M rút yêu cầu về khoản tiền thu nhập cá nhân là 25.300.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với phần này của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004.

[2] Xét về nguồn gốc nhà đất của bị đơn ông Hoàng Đình T, bà Trần Thị Thanh H và nhà đất của nguyên đơn ông Phan Thanh K, bà Phan Thị Bạch M, thì thấy:

Nhà đất của ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H, tại đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà L) và nhà đất của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M, tại đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà L) đều có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị Kim S. Trước khi chuyển nhượng, bà S sử dụng thửa đất tại địa chỉ cũ là số 16, đường L; trên đất có xây ba căn (gian) nhà trệt, lợp tôn, tường xây tấp lờ; nhà, đất có cổng ngõ mở ra đường L về hướng Nam.

Ngày 25-7-1975, bà S bán căn nhà ở hướng Đông có kích thước 4m x 17m cho bà Huyền Tôn Nữ Thị O (sau này con gái là bà Trần Thị Thanh H và con rể là ông Hoàng Đình T thừa hưởng), theo Giấy bán nhà, được Ủy ban nhân dân cách mạng phường T, quận N, thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 29-10-1975 và đã

trước bạ, đăng ký vào sổ khai báo ngày 03-11-1975; được Ty quản lý Nhà đất và Công trình công cộng tỉnh Quảng Đà cấp Trích lục họa đồ và Trích lục tạm bộ, ngày 03-11-1975 với thửa đất số 352/1249, bản đồ tờ 9 (cũ) tại khu phố Thạch Thang, thể hiện diện tích đất bà O nhận chuyển nhượng là 91m^2 ; nay có địa chỉ L. Ngày 12-12-2001, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà O; trong đó diện tích nhà ở là 98m^2 và diện tích đất ở là $100,3\text{m}^2$; ngoài ra, còn có diện tích đất sử dụng chung với hộ ông K là $26,6\text{m}^2$.

Sau đó, ngày 20-4-1976, bà S tiếp tục bán căn nhà ở hướng Tây cho ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M, theo Văn tự mua bán đoạn mãi bất động sản, được Ủy ban nhân dân cách mạng phường T chứng nhận; trong đó căn nhà có kích thước bề ngang 9m, bề sâu 14m; có sân trước tính đến lề đường L bề ngang 9m, bề sâu 3,5m; sân sau mỗi chiều 5,5m (có giếng nước với máy bơm điện dùng chung cho ba nhà); nay có địa chỉ L.

Ngoài ra, cũng thời điểm năm 1975, bà S bán căn nhà phía sau nhà ông K, bà M cho ông Lê Văn Kiềm.

[3] Giữa căn nhà của bà O và căn của nhà ông K, bà M có đường luồng rộng 1,05m chạy dọc theo chiều dài nhà bà O và hông hướng Đông nhà ông K; đường luồng được sử dụng chung cho cả ba gia đình mua nhà của bà S, trong đó gia đình ông Lê Văn Kiềm sử dụng để đi ra đường L; gia đình bà O sử dụng để ra giếng lấy nước sinh hoạt; còn gia đình ông K sử dụng làm lối đi thứ hai từ trước ra sau nhà. Do nhà 30 và nhà 32 có nguồn gốc đều của bà S và nằm trong cùng một thửa đất nên đó cũng là lý do căn nhà bán cho bà O có lối đi ra đường luồng nói trên và sử dụng chung một cổng ngõ với gia đình ông K và gia đình ông Kiềm để đi ra đường L.

Về cấu trúc đường luồng có kích thước dài 12,71m x rộng 1,05m; nền được tráng xi măng; trên đường luồng được lợp tôn (mái tôn được đỡ bởi các cây xà gồ

từ trong nhà bà O kéo dài ra). Trên đường luồng có 06 cây trụ xây áp sát tường nhà bà O (trụ bê tông, cốt thép nằm ngoài tường; kích thước mỗi trụ rộng 0,2m x rộng 0,2m x cao từ 2,65m đến 3,3m tính từ cốt nền); ở dưới nền hiên có mương thoát nước đổ ra cống đường L (nằm ép sát chân tường nhà bà O) dài 16m, rộng từ 0,07m đến 0,1m; dưới mái hiên có bức tường ngăn (xây ép sát tường nhà bà O), đoạn đầu (tính từ ngoài đường L vào) có kích thước dài 3,35m x cao 0,6m x dày 0,055m (đã bị phá vỡ một phần 0,4m x 0,2m), đoạn thứ hai có kích thước dài 5,1m x cao 0,7m x dày 0,055m, đoạn thứ ba có kích thước dài 4m x cao 1m x dày 0,055m. Đây là vị trí và các vật kiến trúc xây dựng có tranh chấp và yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông T, bà H xây nhà làm hư hỏng.

[4] Xét các quyết định về đất đai và giải quyết về tranh chấp diện tích đất đường luồng giữa hai nhà đường L của các cơ quan có thẩm quyền, thì thấy:

Ngày 18-6-1996, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) đã ban hành Quyết định số 1014/QĐ-UB về giải quyết khiếu nại của bà Huyền Tôn Nữ Thị O về việc ông Phan Thanh K chiếm dụng đường luồng và đất phía hông nhà bà tại 16 L - Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là Quyết định 1014/QĐ-UB), theo đó Ủy ban đã chấp thuận đơn của bà O khiếu nại ông K và xác định đường luồng, giếng nước và đất trống phía hông sau giữa nhà ông K và nhà bà O là đường luồng sử dụng chung của hai nhà; buộc ông K và gia đình phải mở khóa cổng đường luồng, giải tỏa toàn bộ chướng ngại vật và chuồng gà phía sau để hộ bà O sử dụng đất thông thoáng và đường luồng chung; để đảm bảo môi trường vệ sinh chung, cho phép hai hộ bà O và ông K được xây dựng một cống ngầm ở phần đất trống phía sau vào đường luồng để thải nước mưa và nước sinh hoạt chung cho hai nhà.

Ngày 13-3-1999, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1154/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Thanh K (Sau đây gọi tắt là Quyết định 1154/QĐ-UB) theo đó đã không chấp thuận đơn

của ông K khiếu nại Quyết định 1014/QĐ-UB và khẳng định Quyết định 1014/QĐ-UB là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 12-12-2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 13744/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại L cho bà Huyền Tôn Nữ Thị O (Sau đây gọi tắt là Quyết định 13744/QĐ-UB).

Ngày 12-11-2010, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 8715/QĐ-UBND về việc giải quyết phân diện tích đường luồng giữa hai nhà đường L (Sau đây gọi tắt là Quyết định 8715/QĐ-UBND), theo đó Ủy ban đã phân chia phân diện tích đất đường luồng giữa hai nhà đường L - Đà Nẵng được xác định theo Quyết định 1014/QĐ-UB và Quyết định 1154/QĐ-UB, cụ thể như sau: Phân diện tích đất tính từ da tường nhà của bà Trần Thị Thanh H (sau khi đã tô tường xong theo giấy phép xây dựng) về phía Tây giao cho hộ ông Phan Thanh K; Lập thủ tục điều chỉnh phân diện tích đất sử dụng chung trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại L theo đúng quy định và lập thủ tục giao phần đất này cho hộ ông Phan Thanh K.

[5] Xét kháng cáo của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M về nội dung yêu cầu bồi thường mái hiên lợp tôn, mương thoát nước, nền đường luồng, trụ bê tông và các bức tường ngăn thì thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định 1014/QĐ-UB và Quyết định 1154/QĐ-UB để kết luận vợ chồng bà H, ông T tháo dỡ mái hiên, 17 cây xà gồ nằm trên đường luồng giữa hai nhà đường L có chiều rộng 01m, chiều dài 18m là thuộc kết cấu tường phía Tây của nhà bà O mua của bà S vào năm 1975; mương thoát nước là của bà O xây dựng; bức tường ngăn thì do gia đình ông K xây dựng trái phép đã bị Ủy ban thành phố buộc tháo dỡ, để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường của ông K, bà M là không đúng bởi vì các quyết định trên của Ủy ban cũng chỉ xác định đường luồng, giếng nước và đất trống phía hông sau giữa nhà ông K và nhà bà O là đường luồng sử dụng

chung của hai nhà chứ không phân định quyền sở hữu các tài sản trên đường luồng chung này. Mặt khác, đến ngày 12-11-2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định 8715/QĐ-UBND về việc giải quyết lại phần diện tích đường luồng giữa hai nhà đường L. Tuy nhiên, Quyết định số 13744/QĐ-UB và Quyết định 8715/QĐ-UBND cũng đã bị tuyên xử hủy tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 08/2015/HC-PT ngày 16-3-2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Do đó, kháng cáo của ông K và bà M là có căn cứ pháp luật.

[6] Xét yêu cầu đòi bồi thường của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M đối với bà Trần Thị Thanh H và ông Hoàng Đình T về các tài sản bị hư hỏng bao gồm: mái hiên lợp tôn, mương thoát nước, nền đường luồng, trụ bê tông và bức tường ngăn thì thấy: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 39/2018/DS-PT ngày 18-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật, theo đó bản án đã xác định dãy trụ giữa hai nhà là thuộc quyền sở hữu của gia đình ông K với diện tích đất bị gia đình bà H, ông T xây nhà lấn qua đất gia đình ông K là 4,05m² (kích thước chiều ngang sát đường L 0,24m; chiều ngang nhỏ dần về phía sau; và chiều dài 18,15m). Như vậy, có cơ sở để xác định toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đường luồng là thuộc quyền sở hữu của ông K, bà M, nên việc năm 2009 gia đình ông T, bà H tiến hành xây dựng lại nhà ở đã tháo dỡ và làm hư hỏng các vật kiến trúc này là xâm phạm tài sản của ông K, bà M nên phải bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 604, Điều 608 và Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Theo Báo cáo giám định về tổn thất số: 008TT/12TD ngày 23-3-2012 của Công ty cổ phần giám định T thì tình trạng mức độ tổn thất được xác định như sau:

- 01 trụ bê tông cốt thép kích thước rộng 0,2m x rộng 0,2m x cao 2,65m (tính từ cốt nền) đã bị hư hỏng nhẹ;

- Đoạn tường rào dài 3,35m, cao 0,6m, dày 0,055m, bị phá vỡ một phần (0,4m x 0,2m);

Các thiệt hại của các bộ phận khác (có tên trong quyết định trưng cầu giám định) không còn ở hiện trường; căn cứ vào lời khai và hình ảnh được cung cấp thì đơn vị giám định ghi nhận các thiệt hại như sau:

- 03 trụ bê tông cốt thép kích thước rộng 0,2m x rộng 0,2m x cao 3,3m (tính từ cốt nền);

- 01 đoạn tường rào dài 5,1m, cao 0,7m, dày 0,055m;

- 01 đoạn tường rào dài 4m, cao 01m, dày 0,055m;

- Hiên lợp tôn, xà gỗ gỗ có diện tích 1,035m x 12,71m;

- Nền hiên láng vữa, mương thoát nước chạy sát tường rào dài 16m,

Tổng giá trị thiệt hại đối với các tài sản là vật kiến trúc nói trên sau khi trừ giá trị hao mòn là 14.080.814 đồng.

[8] Ngày 04-10-2018, ông K và bà M làm đơn yêu cầu trưng cầu giám định lại. Theo đơn ông bà cho rằng Báo cáo giám định về tổn thất ngày 23-3-2012 của Công ty cổ phần giám định T đo đạc còn thiếu một số hạng mục và chưa chính xác về thước tấc; cụ thể thiếu cống ngầm ống bê tông đường kính 0,25m, dài 17,75m; thiếu trần ván ép gỗ và bê tông nền 1,08m x 14,31m (bê tông nền chứ không phải láng nền như kết luận giám định). Hơn nữa việc giám định cách đây đã hơn 06 năm nên thực tế có nhiều biến động giá và nhân công.

[9] Ngày 28-9-2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, với sự có mặt của các đương sự. Qua xem xét thực tế thì phần lớn tài sản bị thiệt hại có tranh chấp yêu cầu bồi thường nói trên là không còn, nên thông qua làm việc thì hai bên đương sự đã thỏa thuận thống nhất với nhau là dựa vào các vật kiến trúc, thông số kỹ thuật và hình ảnh do Công ty cổ phần giám định T đo đạc, thu thập được trước đây thể hiện tại Báo cáo giám định về tổn

thất số: 008TT/12TD ngày 23-3-2012 để trưng cầu giám định lại. Nên ngày 04-10-2018, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ thực hiện việc giám định lại.

Theo báo cáo kết quả giám định và xác định giá trị thiệt hại công trình số 04/BC-TTGD ngày 11-3-2019 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ thì giá trị thiệt hại là 18.104.893 đồng.

[10] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ông K, bà M cho rằng không được biết về kết luận giám định của Công ty cổ phần giám định T nên nay ông bà cho rằng việc giám định đã thiếu một số hạng mục và chưa chính xác về thước tắc; cụ thể thiếu cống ngầm ống bê tông đường kính 0,25m, dài 17,75m; thiếu trần ván ép gỗ và bê tông nền 1,08m x 14,31m (bê tông nền chứ không phải láng nền như giám định). Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo ngày 08-5-2012 thì ông K, bà M đã đề cập đến kết quả giám định tổn thất tại Báo cáo giám định về tổn thất số: 008TT/12TD ngày 23-3-2012 của Công ty cổ phần giám định T và yêu cầu kháng cáo của ông K, bà M tại đơn kháng cáo cũng không có nội dung về thiếu các mục nói trên nên không được xem xét giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, tại đơn khởi kiện đề ngày 15-7-2011 thì ông K và bà M cũng không có yêu cầu về các hạng mục là trần ván ép gỗ và cống ngầm ống bê tông đường kính 0,25m, dài 17,75m; còn đối với số liệu về kích thước và bê tông nền hay láng nền xi măng thì thuộc thẩm quyền kết luận của người giám định.

[11] Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định vào năm 2009 ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H khi tháo dỡ nhà cũ để xây dựng nhà mới đã làm hư hỏng các tài sản là vật kiến trúc được xây dựng trên đất của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M với tổng giá trị thiệt hại là 18.104.893 đồng, nên cần buộc ông T, bà H phải bồi thường cho ông K, bà M số tiền thiệt hại nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 604, Điều 608 và Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể:

Ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 905.244 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Về chi phí giám định:

Ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H phải chịu chi phí giám định tại Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ là 15.710.000 đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18-01-2019, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M đã nộp tạm ứng chi phí giám định và đã chi thanh toán xong theo Hóa đơn bán hàng số 0088092 ngày 18-01-2019 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ nên ông T và bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông K bà M số tiền chi phí giám định lại là 15.710.000 đồng.

Ngày 06-02-2012, ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M đã có đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định, nhưng đến ngày 04-10-2018, ông K và bà M có đơn yêu cầu giám định lại nên ông K và bà M phải chịu chi phí giám định lần đầu tại Công ty cổ phần giám định T với số tiền là 4.500.000 đồng, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M

đã nộp tạm ứng chi phí giám định và đã chi thanh toán xong theo Phiếu thu ngày 04-4-2012 của Công ty cổ phần giám định T.

[15] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2012/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2012, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 161 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 604, Điều 608 và Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M đối với ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H phải bồi thường cho ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M số tiền 18.104.893 đồng (Mười tám triệu, một trăm linh bốn ngàn, tám trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá

mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về khoản tiền thu nhập cá nhân là 25.300.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng) của ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M đối với ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H.

3. Về án phí:

Ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 905.244 đồng (Chín trăm linh năm ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng).

Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông K và bà M 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 002959 ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông K và bà M 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000656 ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí giám định:

Ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M phải chịu chi phí giám định tại Công ty cổ phần giám định T là 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng). Ông K và bà M đã nộp tạm ứng chi phí giám định và đã chi thanh toán xong theo Phiếu thu ngày 04-4-2012 của Công ty cổ phần giám định T.

Ông Hoàng Đình T và bà Trần Thị Thanh H phải hoàn trả cho ông Phan Thanh K và bà Phan Thị Bạch M chi phí giám định lại tại Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đ với số tiền là 15.710.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm mười ngàn đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu
(để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam